

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 25/8/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đình Anh Vũ.**

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông **Mai Linh Sơn;**

2. Bà **Phan Thị Hoài Thanh.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Nga** - là Thư ký Tòa án N dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* ông **Hồ Đạt Quyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1967; địa chỉ: 62B, thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: bà **Tô Thị T**, sinh năm: 1956; địa chỉ: thôn Q, xã QL, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Dương Thị Tố N1**; sinh năm: 1978; địa chỉ: 105/02/6 LTK, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng – là người đại diện theo ủy quyền (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Giữa bà và bà **Tô Thị T** ở gần nhà và có quen biết nhau. Do bà **T** cần vốn làm ăn nên đề nghị bà cho bà **T** vay tiền nhiều lần tổng cộng là 426.000.000 đồng. Cụ thể, ngày 11/01/2019 vay 10.000.000đ; ngày 02/4/2019 vay 10.000.000đ; ngày 19/4/2019 vay 15.000.000đ; ngày 27/5/2019 vay 25.000.000đ; ngày 03/6/2019 vay 10.000.000đ; ngày 26/6/2019 vay 40.000.000đ; ngày 08/7/2019 vay 20.000.000đ; ngày 13/7/2019 vay 40.000.000đ; ngày 23/7/2019

vay 12.000.000đ; ngày 01/12/2019 vay 30.000.000đ; ngày 11/12/2019 vay 192.000.000đ; ngày 10/01/2020 vay 22.000.000đ. Tất cả những lần vay tiền, bà T hứa trả trong thời hạn 01 tháng, nhưng do bà có vốn nhàn rỗi nên mỗi lần bà T đều viết giấy ghi thời hạn vay là 01 tháng nhưng thực tế bà chưa đòi những khoản tiền đã vay trước đó. Gần đây, bà cần tiền nên yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T chỉ hứa mà không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho bà 426.000.000đ.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn cùng người đại diện ủy quyền của bị đơn là bà Dương Thị Tố N1 trình bày: bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 234.000.000đ theo các giấy vay tiền ghi ngày 11/01/2019, 02/4/2019, 19/4/2019, 27/5/2019, 03/6/2019, 26/6/2019, 08/7/2019, 13/7/2019, 23/7/2019, 01/12/2019, 10/01/2020. Riêng khoản tiền 192.000.000đ theo giấy vay tiền ghi ngày 11/12/2019 bị đơn không đồng ý trả vì sau khi vay số tiền 234.000.000đ thì bà T có trả lãi cho bà N cho đến tháng 05/2019. Từ tháng 06/2019, bà T không trả lãi cho bà N nên bà N đã tính tiền lãi của tổng số tiền bà T còn nợ bà N từ tháng 06/2019 đến tháng 12/2019 thành 192.000.000đ và yêu cầu bà T viết giấy nợ nên số tiền 192.000.000đ là tiền lãi không phải nợ gốc. Tiền lãi giữa bà T và bà N thỏa thuận là 6.000đ/1.000.000đ/ngày. Ngoài ra bị đơn không có ý kiến gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Tô Thị T trả số tiền nợ vay 426.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Dương Thị Tố N1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N1 theo thủ tục chung.

Xuất phát từ việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay 426.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng trong số tiền 426.000.000đ có 234.000.000đ là tiền nợ gốc, 192.000.000đ là tiền lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Quảng Lập, huyện Đơn Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N

dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với số tiền nợ vay 234.000.000đ theo các giấy vay tiền ghi ngày 11/01/2019, 02/4/2019, 19/4/2019, 27/5/2019, 03/6/2019, 26/6/2019, 08/7/2019, 13/7/2019, 23/7/2019, 01/12/2019, 10/01/2020 mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn theo các giấy vay tiền này nên đủ cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 234.000.000đ.

Đối với số tiền 192.000.000đ, bị đơn cho rằng là tiền lãi của số tiền nợ vay 234.000.000đ tính từ tháng 06/2019 đến tháng 12/2019 với lãi suất 6.000đ/1.000.000đ/ngày. Tuy nhiên, tại biên bản đối chất ngày 17/7/2020 bà T thừa nhận chính bà là người viết và ký vào giấy vay tiền này. Nguyên đơn khẳng định đây là tiền nợ gốc mà bị đơn vay để mua đất chứ không phải là tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền 192.000.000đ là tiền lãi. Do vậy có thể khẳng định số tiền 192.000.000đ này là tiền nợ gốc mà không phải tiền lãi như bị đơn trình bày.

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền 426.000.000đ. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Tô Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 426.000.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[3] *Về án phí*: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 thì bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà T. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 220, 229, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 357, các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Tô Thị T. Buộc bà Tô Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 426.000.000đ (bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Tô Thị T. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.520.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0016207 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Anh Vũ